

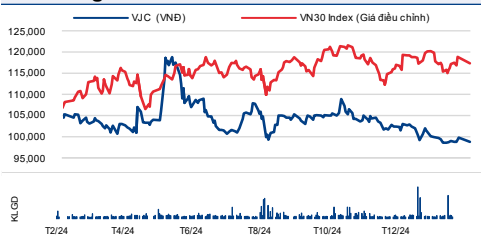
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ105,000
Tiềm năng tăng/giảm: 6.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/2/2025)	98,800
Mã Bloomberg	VJC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	98,500-118,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	98,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	53,510
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,115
Slg CP lưu hành (tr.đv)	542
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	162
Slg CP NN được mua (tr.đv)	90.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	13.3%
Tỷ lệ freefloat	45.0%
Cổ đông lớn	Hương Dương Sunny (29.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	58,341	78,146	87,295
EBITDA đc (tỷ đồng)	(115)	4,450	5,226
LNTT (tỷ đồng)	606	2,153	2,778
LNT ĐC (tỷ đồng)	223	2,004	2,268
FCF (tỷ đồng)	(5,672)	(855)	78.1
EPS ĐC (đồng)	411	3,700	4,188
DPS (đồng)	-	0	0
BVPS (đồng)	28,123	31,997	36,322
T.trưởng EBITDA (%)	96.6	3,955	17.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	110	760	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.20)	5.69	5.99
Tỷ suất LNTT (%)	1.04	2.75	3.18
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.40	2.55	2.63
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	192	172	148
ROAE (%)	1.54	12.2	12.4
ROACE (%)	(1.23)	8.32	9.97
EV/doanh thu (lần)	1.36	1.03	0.92
EV/EBITDA ĐC (lần)	(687)	18.0	15.3
P/E ĐC (lần)	240	26.7	23.6
P/B (lần)	3.51	3.09	2.72
Lợi suất cổ tức (%)	-	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VJC sở hữu và vận hành Vietjet Air, hãng hàng không giá rẻ tại Việt Nam. VJC được thành lập năm 2007 và bay thương mại lần đầu tiên tháng 12 năm 2011. Ngoài hoạt động vận chuyển hành khách, VJC cũng thực hiện các giao dịch bán máy bay để tăng lợi nhuận.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: KQKD kém tích cực, do lỗ ở mảng vận tải hàng không

- Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q4/2024 của VJC đạt lần lượt 23 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 96% so với quý trước) và 19,8 nghìn tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước).
- Ngoại trừ các khoản mục không thường xuyên, lỗ trước thuế từ HĐKD cốt lõi trong quý đạt 795 tỷ đồng, thấp hơn mức lỗ HĐKD cốt lõi 2,0 nghìn tỷ đồng trong Q4/2023 nhưng kém tích cực hơn nhiều so với lợi nhuận 939 tỷ đồng trong Q3/2024 do tỷ suất lợi nhuận giảm.
- Trong năm 2024, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 1,4 nghìn tỷ đồng – tăng trưởng 519% nhưng hoàn thành chỉ 72% dự báo cho cả năm 2024 của HSC – và 71,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 23%, hoàn thành 92% dự báo cho cả năm của chúng tôi).
- Giá cổ phiếu VJC giảm 6% trong 3 tháng qua. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/2024

KQKD Q4/2024 của VJC thấp hơn nhiều so với kỳ vọng. Lợi nhuận thuần đạt chỉ 23 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh 96% so với quý trước, thấp hơn dự báo của HSC ở mức 304 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu thuần Q4/2024 đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước. Đáng lưu ý, chất lượng lợi nhuận Q4/2024 giảm do các hoạt động giao dịch tàu bay tạo ra lợi nhuận chính trong khi mảng vận tải hàng không cốt lõi ghi nhận lỗ.

Ngoại trừ các khoản lợi nhuận không thường xuyên do biến động tỷ giá và hoàn nhập dự phòng Q4/2024 tổng cộng 903 tỷ đồng (Q4/2023 – thu nhập không thường xuyên 2,1 nghìn tỷ đồng; Q3/2024 – lỗ không thường xuyên 179 tỷ đồng), VJC ghi nhận lỗ trước thuế từ HĐKD cốt lõi 795 tỷ đồng, so với lỗ 2,0 nghìn tỷ đồng từ HĐKD cốt lõi trong Q4/2023 (Q3/2024: lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi 939 tỷ đồng). Tỷ suất lợi nhuận gộp hợp nhất cao hơn so với cùng kỳ nhưng giảm 7 điểm phần trăm so với quý trước.

Doanh thu thuần tăng 36% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước

Doanh thu thuần Q4/2024 đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước, chủ yếu được đóng góp bởi mảng giao dịch tàu bay (tạo ra doanh thu 5,1 nghìn tỷ đồng, tăng 153% so với cùng kỳ và tăng 38% so với quý trước), nhờ các giao dịch liên quan đến 7 tàu bay nhận mới trong Q4/2024. Doanh thu vận tải hàng không (đạt 14,7 nghìn tỷ đồng) tăng chậm lại với mức tăng 17% so với cùng kỳ và tăng 2% so với quý trước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, VJC

Lợi nhuận thuần Q4/2024 tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 96% so với quý trước

	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	19,797	36%	9%	58,340	71,859	23%
LNTT	108	-33%	-86%	606	1,869	208%
Lợi nhuận thuần	23	4%	-96%	231	1,426	519%
Lợi nhuận cốt lõi	(795)	59%	N/m	(2,358)	947	N/m

Nguồn: VJC

Thông tin chi tiết liên quan đến doanh thu vận tải hàng không:

- Doanh thu trong nước tăng 10% so với cùng kỳ nhờ lợi suất hành khách cải thiện so với cùng kỳ, nhưng giảm 17% so với quý trước xuống 2,9 nghìn tỷ đồng do mùa thấp điểm.
- Doanh thu quốc tế tăng mạnh hơn ở mức 19% so với cùng kỳ (và tăng 7% so với quý trước) đạt 3,9 nghìn tỷ đồng nhờ nhu cầu phục hồi và việc mở thêm nhiều đường bay quốc tế mới.
- Doanh thu phụ trợ tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước đạt 6,6 nghìn tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh so với quý trước

Lợi nhuận gộp hợp nhất Q4/2024 đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, cải thiện mạnh so với lỗ gộp 498 tỷ đồng trong Q4/2023, mặc dù thấp hơn 54% so với mức lợi nhuận của Q3/2024.

Tỷ suất lợi nhuận gộp hợp nhất Q4/2024 được ghi nhận ở mức 5,1%, cao hơn mức -3,4% trong Q4/2023 nhưng thấp hơn mức 12,1% trong Q3/2024, chủ yếu do chi phí hoạt động tăng. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ vận tải ở mức -0,3%, so với -5,8% trong Q4/2023 và 10,7% trong Q3/2024.

Đáng lưu ý, mảng giao dịch tàu bay đóng góp lợi nhuận chính trong quý trong khi mảng vận tải ghi nhận lỗ gộp. Chi tiết như sau:

- Mảng vận tải ghi nhận lỗ gộp 45 tỷ đồng trong Q4/2024, cải thiện so với lỗ gộp 729 tỷ đồng trong Q4/2023 nhưng kém hơn nhiều so với lợi nhuận gộp 1,5 nghìn tỷ đồng trong Q3/2024. Lợi nhuận mảng này cải thiện so với cùng kỳ có thể nhờ rủi ro cạnh tranh giảm khi đối thủ cạnh tranh Bamboo Airways thu hẹp quy mô kinh doanh từ nửa cuối năm 2023 và tình trạng thiếu hụt tàu bay do các vấn đề kỹ thuật của động cơ Pratt Whitney.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm so với quý trước do chi phí hoạt động của mảng vận tải hàng không tăng cao, do VJC thường xuyên ghi nhận chi phí lao động và thuê tàu bay cao vào quý cuối cùng trong năm. Lưu ý, trong Q4/2024, mảng vận tải ghi nhận lỗ gộp 729 tỷ đồng (so với lợi nhuận gộp 1,2 nghìn tỷ đồng trong Q3/2023).
- Mảng giao dịch tàu bay ghi nhận lợi nhuận gộp 1,0 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024, tăng 358% so với cùng kỳ và 62% so với quý trước, chủ yếu nhờ phương pháp hạch toán liên quan đến 7 tàu bay nhận được trong Q4/2024.

Các khoản mục khác

Chi phí bán hàng & quản lý Q4/2024 tăng 13% so với cùng kỳ và tăng 62% so với quý trước đạt 1,15 nghìn tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 5,8%, thấp hơn so với mức 7,0% trong Q4/2023 nhưng cao hơn so với mức 3,9% trong Q3/2024.

Chi phí lãi vay ở mức 826 tỷ đồng (tăng 39% so với cùng kỳ và tăng 15% so với quý trước) do nợ vay tăng. Tính đến cuối Q4/2024, tổng dư nợ ngắn hạn và dài hạn của VJC ở mức 43,6 nghìn tỷ đồng, cao hơn 42% so với thời điểm cuối Q4/2023, chủ yếu nhằm mở rộng đội tàu bay.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Giá cổ phiếu VJC giảm 6% trong 3 tháng qua. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Lợi nhuận Q4/2024 thấp hơn dự báo của HSC do KQKD của mảng vận tải kém tích cực. Lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành chỉ 72% dự báo cho cả năm của HSC. Chúng tôi cũng đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	40,142	58,341	78,146	87,295	113,836
Lợi nhuận gộp	(1,993)	2,521	7,724	8,741	9,808
Chi phí BH&QL	(1,471)	(3,049)	(3,625)	(3,866)	(4,482)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(3,464)	(529)	4,099	4,874	5,326
Lãi vay thuần	(237)	713	(2,283)	(2,473)	(2,842)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	1,052	422	337	376	490
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	(2,649)	606	2,153	2,778	2,974
Chi phí thuế TNDN	387	(375)	(163)	(485)	(469)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(2,262)	231	1,990	2,293	2,505
Lợi nhuận thuần ĐC	(3,234)	223	2,004	2,268	2,367
EBITDA ĐC	(3,384)	(115)	4,450	5,226	5,678
EPS (đồng)	(4,176)	427	3,674	4,233	4,624
EPS ĐC (đồng)	(5,972)	411	3,700	4,188	4,369
DPS (đồng)	-	-	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	542	542	542	542	542
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	542	542	542	542	542
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	542	542	542	542	542

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,858	5,051	9,665	11,533	9,778
Đầu tư ngắn hạn	688	613	509	509	510
Phải thu khách hàng	29,730	34,243	35,623	30,137	35,177
Hàng tồn kho	983	703	942	1,052	1,372
Các tài sản ngắn hạn khác	329	246	290	324	422
Tổng tài sản ngắn hạn	33,587	40,857	47,028	43,555	47,260
TSCĐ hữu hình	5,681	3,991	3,651	3,312	2,972
TSCĐ vô hình	28.4	50.0	43.9	40.7	37.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	458	530	458	458	458
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	28,282	41,498	43,883	46,189	53,651
Tổng tài sản dài hạn	34,449	46,068	48,036	50,000	57,119
Tổng cộng tài sản	68,037	86,925	95,064	93,555	104,378
Nợ ngắn hạn	8,550	13,554	15,629	17,459	22,767
Phải trả người bán	9,660	8,805	10,159	10,475	13,660
Nợ ngắn hạn khác	9,862	12,506	15,056	15,073	16,240
Tổng nợ ngắn hạn	30,417	38,861	44,572	46,299	55,822
Nợ dài hạn	10,310	17,257	20,634	20,575	20,515
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	0	0	0
Nợ dài hạn khác	69.1	1.62	2.18	2.43	3.17
Tổng nợ dài hạn	22,721	32,811	33,140	27,561	26,210
Tổng nợ phải trả	53,139	71,672	77,712	73,859	82,032
Vốn chủ sở hữu	14,878	15,232	17,330	19,672	22,322
Lợi ích cổ đông thiểu số	20.4	21.3	22.3	23.4	24.6
Tổng vốn chủ sở hữu	14,898	15,253	17,352	19,696	22,347
Tổng nợ phải trả và VCSH	68,037	86,925	95,064	93,555	104,378
BVPS (đ)	27,470	28,123	31,997	36,322	41,214
Nợ thuần*/(tiền mặt)	17,001	25,760	26,599	26,501	33,504

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	(3,464)	(529)	4,099	4,874	5,326
Khấu hao	(79.7)	(413)	(351)	(352)	(352)
Lãi vay thuần	(237)	713	(2,283)	(2,473)	(2,842)
Thuế TNDN đã nộp	(140)	(3.51)	163	485	469
Thay đổi vốn lưu động	(2,505)	(9,828)	(6,229)	(1,825)	(12,727)
Khác	2,434	3,891	(4,091)	(7,199)	(2,433)
LCT thuần từ HKKD	(2,393)	(4,247)	(919)	86.8	(7,011)
Đầu tư TS dài hạn	(1,217)	(1,426)	63.5	(8.68)	(8.99)
Góp vốn & đầu tư	98.5	(1,833)	15.8	19.5	17.7
Thanh lý	0.68	2,024	0	0	0
Khác	0	278	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,118)	(957)	79.3	10.9	8.67
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,480	8,557	5,453	1,770	5,248
Khác	0	(145)	1.06	0	0
LCT thuần từ HĐTC	3,480	8,412	5,454	1,770	5,248
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,868	1,858	5,051	9,665	11,533
LCT thuần trong kỳ	(31.6)	3,208	4,614	1,868	(1,754)
Ảnh hưởng của tỷ giá	21.6	(15.9)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,858	5,051	9,665	11,533	9,778
Dòng tiền tự do	(3,611)	(5,672)	(855)	78.1	(7,020)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	(4.97)	4.32	9.88	10.0	8.62
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(8.43)	(0.20)	5.69	5.99	4.99
Tỷ suất LNT (%)	(5.63)	0.40	2.55	2.63	2.20
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.6	61.8	7.57	17.5	15.8
Tăng trưởng doanh thu (%)	212	45.3	33.9	11.7	30.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(16.1)	96.6	3,955	17.4	8.65
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(2,010)	107	799	13.2	4.34
Tăng trưởng EPS (%)	(2,940)	110	760	15.2	9.25
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(2,010)	107	799	13.2	4.34
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(14.3)	1.54	12.2	12.4	11.9
ROACE (%)	(9.39)	(1.23)	8.32	9.97	11.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.75	0.86	0.93	1.15
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.69	8.03	(0.22)	0.02	(1.32)
Số ngày tồn kho	8.51	4.60	4.88	4.89	4.82
Số ngày phải thu	258	224	185	140	123
Số ngày phải trả	83.7	57.6	52.7	48.7	47.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	128	192	172	148	160
Nợ/tài sản (%)	30.6	39.5	41.4	43.5	43.6
EBIT/lãi vay (lần)	(14.6)	N/a	1.80	1.97	1.87
Nợ/EBITDA (lần)	(6.16)	(298)	8.85	7.78	8.02
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.10	1.05	1.06	0.94	0.85
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.76	1.36	1.03	0.92	0.76
EV/EBITDA ĐC (lần)	(20.8)	(687)	18.0	15.3	15.3
P/E (lần)	N/a	231	26.9	23.3	21.4
P/E ĐC (lần)	N/a	240	26.7	23.6	22.6
P/B (lần)	3.60	3.51	3.09	2.72	2.40
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn